

VĂN HỌC VIỆT NAM 1955 -1975

XUÂN DIỆU

(1916 – 1985)

1 – Vài nét về tiểu sử và con người :

Xuân Diệu tên thật là Ngô Xuân Diệu; sinh ngày 02 - 2 - 1916 tại Tùng Giản - Tuy Phước - Bình Định.

Quê quán: Đại Lộc - Can Lộc – Hà Tĩnh.

Xuân Diệu học tiểu học ở Quy Nhơn, sau đó ra học trung học ở Hà Nội và Huế.

Năm 1940, ông thi đỗ Tham tá thương chính và vào làm việc tại Mỹ Tho. Một thời gian sau ông xin thôi việc ra Hà Nội kết bạn thơ với Huy Cận.

Xuân Diệu tham gia cách mạng từ năm 1944. Sau Cách mạng tháng Tám, ông là Ủy viên Ban chấp hành Hội Văn hóa cứu quốc, thư kí tòa soạn Tạp chí *Tiên phong*. Ông là đại biểu Quốc hội khóa I; năm 1948 là Ủy viên Ban chấp hành Hội Văn nghệ Việt Nam. Từ 1957 cho đến khi qua đời, Xuân Diệu luôn được bầu vào Ban chấp hành Hội nhà văn Việt Nam. Ông được kết nạp vào Đảng năm 1949. Năm 1983, ông được công nhận là Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm nghệ thuật nước Cộng hòa dân chủ Đức. Năm 1985, Xuân Diệu lâm trọng bệnh và qua đời.

Xuân Diệu để lại một di sản văn học đồ sộ với nhiều thể loại:

- Trước Cách mạng tháng Tám:

+ Thơ : *Thơ thơ* (1938), *Gửi hương cho gió* (1945).

+ Văn xuôi : *Phần thông vàng* (1939)

- Sau Cách mạng tháng Tám:

+ Thơ : *Ngọn quốc kì* (1945), *Hội nghị non sông* (1946), *Dưới vầng sao* (1949), *Sáng* (1953), *Mẹ con* (1954), *Ngôi sao* (1955), *Riêng chung* (1960), *Mùi Cà Mau- Cầm tay* (1962), *Khởi hồng* (1964), *Hai đợt sóng* (1967), *Tôi giàu đôi mắt* (1970), *Hồn tôi đôi cánh* (1976), *Thanh ca* (1982).

+ Văn xuôi, tiểu luận, phê bình : *Tiếng thơ* (1951), *Những bước đường tư tưởng* (1958), *Ba thi hào dân tộc* (1959), *Phê bình giới thiệu thơ* (1960), *Trò chuyện với các bạn làm thơ trẻ* (1961), *Dao có mài mới sắc* (1963), *Thi hào dân tộc Nguyễn Du* (1966), *Đi trên đường lớn* (1968), *Và cây đời mãi mãi xanh tươi* (1971), *Mài sắt nên kim* (1977), *Lượng thông tin và những kĩ sư tâm hồn ấy* (1978), *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam* (hai tập; 1981& 1982).

+ Dịch và giới thiệu thơ nước ngoài của các nhà thơ như : Targo, Puskin, Maiacốpski, Dimitrôva,...

Một số điểm cần lưu ý :

+ Xuân Diệu là nhà thơ lớn của dân tộc, ông luôn là tấm gương lao động nghệ thuật bền bỉ, dẻo dai, giàu sức sáng tạo, đạt được nhiều thành tựu lớn trong sáng tác.

+ Xuân Diệu là người giới thiệu, phê bình thơ rất tinh tế và sắc bén. Ông có được những thành công lớn không chỉ ở việc giới thiệu, phê bình thơ cổ điển, thơ ca hiện đại, mà còn ở cả thơ ca nước ngoài. Ông thường chỉ ra được cái hay, sự độc đáo ở mỗi nhà thơ qua tác phẩm của họ.

+ Cuộc đời và thơ của Xuân Diệu gắn với quê hương đất nước. Ông có khát vọng hiến dâng sức lực và trí tuệ của mình cho dân tộc, ông không ngại khó khăn, gian khổ, hăng hái, nhiệt tình, đi khắp mọi nẻo đường Tổ quốc để phục vụ nhân dân ... Chính vì lẽ đó, Xuân Diệu được tất cả độc giả trong nước yêu mến, ngưỡng mộ không chỉ ở thơ, mà còn ở tấm lòng say sưa và chân thành của ông trước cuộc đời.

2 – Xuân Diệu với thơ :

2.1 – Thơ Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám :

Trước Cách mạng tháng Tám, Xuân Diệu có hai tập thơ: *Thơ thơ* (1938) và *Gửi hương cho gió* (1945). Ông là nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ Mới cả về nội dung lẫn hình thức. Trong *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh đã khẳng định: “Xuân Diệu là nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới, nhà thơ đại biểu đầy đủ nhất cho thời đại”.

Khác với các nhà thơ cùng thời kì, Xuân Diệu gắn bó thiết tha với cuộc sống, “Lầu thơ của ông xây dựng trên đất của một tấm lòng trần gian”. Khát vọng mãnh liệt đến với cuộc đời, giao cảm với đời là một trong những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn của thơ Xuân Diệu.

Cảm hứng về tình yêu là cảm hứng nổi bật trong thơ Xuân Diệu. Với ông, tình yêu đã trở thành lẽ sống, “làm sao sống được mà không yêu”, mặc dầu ông cảm nhận :“ Yêu là chết ở trong lòng một ít, vì mấy khi yêu mà chắc được yêu”. Bởi thế, ông luôn có tâm trạng *Vội vàng*, *Giục giã* . Ông sợ thời gian, ông muốn vũ trụ ngưng đọng :

Tôi muốn tắt nắng đi

Cho màu đừng nhạt nắng

Tôi muốn buộc nắng lại

Cho hương đừng bay đi.

(Vội vàng)

hay là:

Mau với chứ, vội vàng lên với chứ

Em em ơi, tình non sắp già rồi

Gấp đi em, anh rất sợ ngày mai

Đời trôi chảy, lòng ta không vĩnh viễn.

(Giục giã)

Tình yêu được Xuân Diệu diễn tả với nhiều cung bậc, từ *Gặp gỡ* rồi *Yêu*, cho đến khi *Xa cách* , *Biệt li* êm ái và với những tâm trạng và hành động khác nhau: Có khi là sự “dại khờ”, “mời yêu” hay “ngẩn ngơ”, “nhớ mong lung”, “sầu”, ... Cũng có khi “ rạo rực” khát vọng :

Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối

Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm .

Xuân Diệu đã thể hiện được một tình yêu đích thực, không e ấp ngượng ngùng khi bày tỏ tình yêu. Ông muốn tạo nên một không gian thấm đẫm tình yêu để gửi gắm niềm khao khát về tình yêu vô biên và tuyệt đích :

Yêu tha thiết thế vẫn còn chưa đủ

Phải nói yêu trăm bận đến nghìn lần

Phải mặn nồng cho mãi mãi đem xuân

Đem chim bướm thả trong vườn tình ái.

(Phải nói)

Dẫu tình yêu có nồng cháy, mãnh liệt nhưng nó vẫn không được cuộc đời đón nhận, khiến “cái tôi” phải cầu xin:

Mở miệng vàng.. và hãy nói yêu tôi

Dẫu chỉ là trong một phút mà thôi!...

(Mời yêu)

Càng yêu cuộc đời bao nhiêu, Xuân Diệu càng tự đẩy ải trái tim của mình và càng thất vọng bấy nhiêu... Điều đó đã tạo nên sự “cô đơn muôn lần muôn thuở cô đơn ” cho nhà thơ. Đặc biệt, có khi “ cái tôi” đã lên đến đỉnh cao của sự cô đơn, nhỏ nhen, tầm thường:

Ta là Một, là Riêng là thứ Nhất

Không có chi bè bạn nổi cùng ta !

(

“Cái tôi” gục xuống, sợ hãi, thốt lên lời rên rỉ trước cuộc đời thờ ơ, lạnh nhạt, hay đau đớn van xin : “Chớ đạp hôn em”, “Chớ để riêng em phải gập lòng em” và rơi vào tâm trạng tuyệt vọng :

Xao xác tiếng gà, trăng ngà lạnh buốt

Mắt run mờ, kỉ nữ thấy trăng trôi

Du khách đi, du khách đã đi rồi .

(Lời kĩ nữ)

Cũng vì thế, tình yêu trong thơ Xuân Diệu gắn liền với nỗi cô đơn và sự hoài nghi. Ngay cả khi “ được yêu” nhưng “ cái tôi” vẫn lo sợ vì cảm nhận sự biệt li, tan vỡ đang dần đến. Cho dù cùng người yêu dạo bước dưới ánh trăng “cái tôi” vẫn cảm thấy:

Trăng sáng, trăng xa, trăng rộng quá

Hai người nhưng chẳng bớt bơ vơ.

hay là:

*Nắng mọc chưa tin, hoa rụng không ngờ
Tình yêu đến, tình yêu đi ai biết
Trong gặp gỡ đã có mầm li biệt
Những vườn xưa nay đoạn tuyệt dấu hài...”*

(Giục giã)

Có thể nói, tình yêu trong thơ Xuân Diệu thời kì này rất nồng cháy, “vô biên” để rồi rơi vào bi kịch của một trái tim hiến dâng nhằm chỗ và “say khướt đau thương”.

Về nghệ thuật: Xuân Diệu cảm nhận cuộc sống bằng nhiều giác quan mà đặc biệt là cảm giác (*Thơ duyên, Vội vàng, Nhị hờ, ...*). Ông sử dụng ngôn ngữ thơ rất sáng tạo, và luôn có sự tìm tòi mới mẻ, độc đáo nhằm tạo nên sức gợi tả, truyền cảm mạnh mẽ cho thơ (*Đây mùa thu tới, Khi chiều giăng lưới, Vội vàng*). Xuân Diệu đã sử dụng thành công sự tương quan giữa các màu sắc, âm thanh nhịp điệu để tạo nên âm hưởng trong thơ (*Nguyệt cầm, Thơ duyên, ...*).

Tóm lại: Thơ của Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám biểu hiện rõ tâm lòng của một con người nặng tình với đời song bế tắc. Tình yêu nam nữ trong thơ Xuân Diệu thời kì này được diễn tả với tất cả cung bậc của nó qua những vần thơ uyển chuyển giàu âm thanh, màu sắc, hình ảnh..., để lại âm vang mạnh mẽ trong lòng người đọc.

2.2 – Thơ Xuân Diệu sau Cách mạng tháng Tám:

2.2.1 - Thời kì đầu sau Cách mạng tháng Tám:

Xuân Diệu hướng về cuộc sống cách mạng của dân tộc , tự hào, phấn khởi trước sự thành công của Cách mạng tháng Tám. Ông bộc lộ khát vọng “Mở lòng ra ôm đón lấy sao vàng” và “Đi theo tiếng gọi nước non thiêng”.

Thơ ông ở thời điểm này thể hiện cảm xúc mạnh mẽ trước hiện thực cuộc sống cách mạng với ý thức, trách nhiệm của một công dân đối với Tổ quốc. Lần đầu tiên viết về cách mạng, Xuân Diệu đã có được những vần thơ trong sáng, yêu đời. Điều đó được biểu hiện rõ ở *Ngọn quốc kì* (1945) và *Hội nghị non sông* (1946). Ý nghĩa thiêng liêng của lá cờ đỏ sao vàng được nhà thơ cảm nhận :

*Cờ như mắt mở thức trâu canh
Nư lửa đốt hoài trên chót đỉnh.
Cờ như nắng mãi ấm luôn luôn,
Sưởi khắp lòng ai nghe vắng lạnh.
Sớm hôm canh giữ lấy hồn thiêng,
Bay mãi trên trời, treo sứ mệnh.*

(Ngọn Quốc kì)

Có thể nói, so với nhiều nhà thơ khác, thơ Xuân Diệu ra đời kịp thời, mang tính thời sự nhưng cũng giàu chất lãng mạn. Âm hưởng hùng tráng, đậm thấm thiết tha toát lên từ tác phẩm của ông đã góp phần tạo nên sức cuốn hút, cổ vũ mạnh mẽ bạn đọc nhanh chóng vững lòng tin đến với đời sống cách mạng.

2.2.2 - Thời kì kháng chiến chống Pháp

Xuân Diệu hăng hái tham gia cuộc kháng chiến chống Pháp, gắn bó với cuộc sống nhân dân. Càng ngày ông càng hiểu hơn về những con người giản dị mà vĩ đại. Đó chính là điều kiện thuận lợi giúp ông có được vốn sống và nguồn cảm hứng sáng tạo để viết nên các tập thơ: *Dưới vầng sao* (1949), *Sáng* (1953), *Mẹ con* (1954).

Cảm hứng chủ đạo ở các tập thơ trên là niềm tin yêu, niềm lạc quan trước hiện thực đời sống cách mạng. Ông cảm nhận cuộc đời như :

Một sớm mai hồng, một bình minh

Xanh mắt trẻ con,

Hồng môi thiếu nữ.

(Trở về)

Cuộc đời hiện tại dù còn bao gian truân thử thách nhưng đối với nhà thơ “Bà mẹ đời du dương tay mở rộng” và *Hương đời* luôn thấm đượm. Nhà thơ cho rằng:

Đời đáng yêu – nhiều lúc có gì đâu...

Như đôi lứa mình lặng lẽ nhìn nhau...

Một cái nắm tay, một đầu thuốc dỏ,

Một tiếng vang trong một mái đầu.

(Hương đời)

Xuân Diệu cảm nhận sâu sắc cuộc sống cao đẹp của quần chúng và cảm thông với nỗi khổ đau của họ. Hình ảnh quần chúng lần đầu tiên xuất hiện trong thơ Xuân Diệu chính là một nét mới về đối tượng phản ánh, nó đánh dấu cho bước chuyển quan trọng về tình cảm nhận thức trên con đường thơ của ông (*Tặng làng Còng, Bà cụ mù lò...*). Trên cơ sở đó, nhà thơ đã viết nên nhiều vần thơ giản dị mà thấm nặng nghĩa tình:

Hạt cơm ăn của bà con

Là tình, là nghĩa, là ơn thấm nhuần.

(Tặng làng Còng)

Vẻ đẹp của hình ảnh của bà mẹ nghèo trong kháng chiến đã được nhà thơ thể hiện sinh động qua nhiều bài thơ và rõ nét nhất là tình yêu thương của mẹ. Cũng vì thế, khi giã từ Việt Bắc về Thủ đô Hà Nội nhà thơ không thể nào quên được hình ảnh của mẹ vào những tháng năm đó:

Mẹ nghèo vẫn cố nuôi con:

Khi bùi măng nứa, khi ngon củ mài.

Sẻ từng hạt muối cắn đôi

Nhà sàn chung ở, chăn sui đắp cùng.

(Ta chào Việt Bắc, về xuôi)

Bên cạnh đó, Xuân Diệu cũng bày tỏ được một cách chân thành nỗi trăn trở và sự kính yêu của mình khi viết về Bắc. Ông đã tìm được cách thể hiện riêng và rất thâm thúy:

Trên đầu tóc Bắc sương ghi

Chắc đôi sợi bạc đã vì chúng con.

(Sóng)

Dù còn có hạn chế song các tập thơ trên đã thể hiện được bao nỗi niềm, tình cảm của Xuân Diệu trước hiện thực đời sống cách mạng. Thơ Xuân Diệu thời kì này đánh dấu một bước chuyển biến lớn về tư tưởng, tình cảm, giọng điệu... , trên con đường thơ của ông.

2.2.3 - Thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội và kháng chiến chống Mỹ

- Cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi, miền Bắc bước vào cuộc sống xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trước hiện thực sôi động đó, với sự nhạy cảm, lòng tin yêu cuộc đời mới, thơ Xuân Diệu có sự vươn lên mạnh mẽ, đề cập đến nhiều vấn đề trong cuộc đời mới, biểu hiện rõ ở ba tập thơ: *Riêng chung* (1960), *Mũi Cà Mau- Cầm tay* (1962), *Khối hồng* (1964).

Xuân Diệu say sưa ngợi ca cuộc đời mới với những đổi thay mang ý nghĩa sâu sắc trong đời sống của dân tộc, và rồi ông trăn trở nghĩ về mình, bày tỏ chân thành niềm vui hạnh phúc qua nhiều bài thơ như : *Ngôi mới*, *Lệ*, *Chào Hạ Long*... Ông nguyện nhìn đời bằng *Đôi mắt xanh non*, bởi vì, ở khắp mọi nơi, từ các làng quê vùng đồng bằng đến vùng núi *Mã Pí-Lèng*, hay hải đảo *Chòm Cô Tô mười bảy đảo xanh*, cuộc sống bao giờ cũng “xanh non”, và “mãi mãi tươi đò”. Với Xuân Diệu, cuộc sống giờ đây chính là những trang đời đẹp nhất, “những trang tốt lành”, để rồi ông khao khát :

Muốn trùm hạnh phúc dưới trời xanh,

Có lẽ lòng tôi cũng hóa thành

Ngôi mới.

(Ngôi mới)

Không chỉ vui say mà nhà thơ còn tự hào khi đã qua rồi nỗi đau tê tái, “vị buồn ghê mặn chát”, “mực mài nước mắt gửi người thương”, “vũ trụ tưởng tàn, thế gian tưởng hết”..., và giờ đây hạnh phúc đến với mọi người. Vì lẽ đó, ở bài thơ *Lệ* nhà thơ có được cách nhìn, cách nghĩ rất thâm thúy về quá khứ và hiện tại:

Xưa lệ ta sa oán hận đất trời,

Nay lệ òa, ta lại thấy đời tươi!

- Giọt nước mắt ta

Chan chứa tình người.

Trong cảnh đất nước chia cắt ông *Nhớ quê Nam*, với “vườn xoài trưa nắng”, “gió biển Quy Nhơn”, “mảnh vườn Sa Đéc, con kênh Tháp Mười”, nhớ “bà má Năm Căn bồm bồm nhai trầu”, nhớ “trăng lam Đèo Cả, mây hồng Hải Vân”; nhớ điệu bông trâm “... qua nhớ thương em bầu”, nhớ sông Thu Bồn, Trà Khúc, sông Hương, và *Gửi sông Hiền Lương* bao nghĩa tình sâu nặng :

Gửi ngàn mến với muôn thương trong ấy

Gửi lời về xin bớt nhớ, khoan thương

Gửi kiên trinh một tấm lòng vàng.

Càng đến với cuộc sống, tình đất nước, tình người trong thơ Xuân Diệu càng đậm thấm thiết tha, càng mang ý nghĩa khái quát sâu sắc.

Khi cả nước có chiến tranh, Xuân Diệu nhanh chóng hòa nhịp với cuộc sống chiến đấu của dân tộc, ông không ngại khó khăn gian khổ đến với nhiều vùng đất nóng bỏng, ác liệt nhất với tâm nguyện :

Tôi cùng xương thịt với nhân dân của tôi,

Cùng đổ mồ hôi, cùng sôi giọt máu,

Tôi sống với cuộc đời chiến đấu

Của triệu người yêu dấu gian lao.

(Những đêm hành quân)

Rất dễ nhận thấy, thơ viết về cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của Xuân Diệu xuất hiện đều đặn trên báo chí và có khả năng ứng chiến nhạy bén trước những sự kiện của đời sống kháng chiến. Điều đó được phản ánh rõ nét qua ba tập thơ: *Hai đợt sóng* (1967), *Tôi giàu đôi mắt* (1970), *Hồn tôi đôi cánh* (1976).

Hơn lúc nào hết, nhà thơ nhận thức rõ hơn về sức sống mãnh liệt của con người Việt Nam trong chiến tranh. Ông khẳng định *Sự sống chẳng bao giờ chán nản*, và “chúng ta yêu sự sống bền dai, vĩnh viễn, bao la!”.

Xuân Diệu có ý thức mở rộng thi đề để phản ánh mọi mặt của đời sống. Có những cảnh như : *Các cháu đi sơ tán*, hay cảnh *Vợ chuẩn bị hành trang cho chồng đi vào hỏa tuyến* đã gọi lên cho người đọc biết bao niềm xúc động mạnh mẽ.

Nét mới của thơ Xuân Diệu ở thời kì này là vừa giàu chất trữ tình vừa chứa đựng tính triết lý biểu hiện rõ trong bài *Quả sấu non trên cao* và *Sự sống chẳng bao giờ chán nản*. Mặt khác, thơ ông còn có thêm chất trào phúng (*Con chim và xác chiếc tàu bay Mỹ*) .

2.2.4 - Từ sau 1975 đến khi qua đời

Sau ngày miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất, Xuân Diệu viết về *Miền Nam quê ngoại*, lòng dạt dào vui sướng khi *Đi giữa Sài Gòn* trong ngày chiến thắng và ông bồi hồi nhớ về quê ngoại sau bao năm xa cách.

Ông có khát vọng: *Tôi muốn đi thăm khắp cả miền Nam, Nghe nhạc Nam* để “thức mãi cùng thương nhớ”, đến *Phan Thiết* “thăm kinh đô cá mắm”, hay *Tâm sự với Quy Nhơn* sau hơn ba mươi năm trở lại với quê ngoại, nơi chôn chứa kỉ niệm của tuổi thơ và tự hào hơn về vẻ đẹp của miền đất này:

Ôi! Biển Quy Nhơn, biển đậm đà

Thuyền đi rẽ sóng, sóng viền hoa.

Cảm ơn quê má muôn yêu dấu

Vẫn ấp iu hoài tuổi nhỏ ta.

Nhiều vần thơ của ông ở thời kì này thể hiện sự đắm thắm nghĩa tình đối với miền Nam. Có thể nói: “Viết về miền Nam là Xuân Diệu đã khơi dậy những tình cảm, những kỉ niệm sâu sắc của mình, những hình ảnh được chất lọc qua nhiều năm tháng để chỉ còn lại những gì thực sự là máu thịt, là rung động cho thơ” (Mã Giang Lân).

2.2.5 - Thơ tình của Xuân Diệu sau Cách mạng tháng Tám

Với thơ tình, Xuân Diệu đã đạt được những thành công rất đặc sắc. Ở mảng thơ này bản lĩnh nghệ thuật của Xuân Diệu bộc lộ rõ nét nhất.

Trước Cách mạng tháng Tám, thơ tình Xuân Diệu giải bày niềm khao khát được ban phát tình yêu, hiến dâng, vồ vập nhưng rồi như *Nước đổ lá khoai*, và kết cục rơi vào bi kịch của một trái tim hiến dâng nhầm chỗ. Còn sau Cách mạng tháng Tám, thơ tình của ông có được một nguồn mạch mới, đó là tình yêu bền chặt, gắn bó không thể gì chia cắt nổi bởi tình yêu của lứa đôi bao giờ cũng nồng nàn, đến “ngàn năm không thỏa”. Dù “anh không xứng là biển xanh / nhưng anh muốn em làm bờ cát trắng” để có thể :

Hôn mãi cát vàng em

Hôn thật khế, thật êm

Hôn êm dềm mãi mãi.

(Biển)

Còn nỗi nhớ da diết, cháy bỏng của tình yêu được nhà thơ cảm nhận :

Uống xong lại khát là tình

Gặp rồi lại nhớ là mình của ta

(Uống xong lại khát)

Xuân Diệu cảm nhận sự xa cách của tình yêu “một khắc là thế kỉ”. Bởi vậy, càng yêu nhau họ càng mong muốn gần nhau, gắn bó với nhau để rồi hiểu nhau hơn. Họ khao khát mãi bên nhau để san sẻ cả niềm vui hạnh phúc, cũng như nỗi buồn. Nhà thơ cảm nhận cho rằng :

Vai anh khi để đầu em tựa

Cân cả buồn vui của một đời

(Tình yêu san sẻ)

Ông cũng nói đến nỗi đau trong tình yêu, nỗi đau đó nhức nhối vò xé tấm lòng họ, nó là *Cái dằm*, là “vết thương trong cõi tinh thần” của lứa đôi. Nhưng nỗi đau rồi sẽ qua đi, họ nhanh chóng “làm lành” với nhau vì “em là nhân của hồn anh”. Có thể nào anh lại thiếu vắng em giữa cuộc đời, khi anh hiểu rằng :

Mang em trong dạ như mầm

Ngày đi suy nghĩ đêm nằm nhớ thương

(Quả trứng và lòng đỏ)

Tình yêu trong thơ Xuân Diệu càng trở nên cao đẹp hơn khi lứa đôi hiểu rõ giữa họ với cuộc đời có mối quan hệ thâm thiết. Hạnh phúc lứa đôi gắn liền với hạnh phúc của dân tộc, nhà thơ cho rằng:

Của đời ta nhận ấm êm

Hồn trao âu yếm ta thêm tặng đời

(Tình yêu muốn hóa vô biên).

Khác với trước Cách mạng tháng Tám, giờ đây tình yêu ít có nỗi buồn mà thấm đượm niềm vui. Tình yêu đã làm trỗi dậy niềm vui, giúp lứa đôi “cởi hết ưu phiền gửi gió mây”, và khi đó giọng nói của em dù chỉ là “giọng nói thường” nhưng “anh vẫn nghe hay tựa tiếng đàn”, vẫn ngập tràn hạnh phúc trong cảnh :

Em cười riu rít ở sau xe

Em nói lòng anh mãi lắng nghe

Thình thoảng tiếng còi em lại điểm

Đời vui khi được có em kề.

(Giọng nói)

Ngoài ra, thơ tình Xuân Diệu thời kì này bên cạnh tình yêu còn có thêm tình vợ chồng. Tuy viết về tình vợ chồng nhưng vẫn quyện hòa, chan chứa tình yêu, vẫn là thơ tình yêu. Điều này biểu hiện rõ qua các bài thơ như : *Anh thương em khi ngủ, Đứa con của tình yêu, Vợ chuẩn bị hành trang cho chồng vào hóa tuyến, Dấu nằm, Đứng chờ em,...*

Có thể nói, đến với thơ tình của Xuân Diệu sau Cách mạng tháng Tám, chúng ta nhận thấy: tác giả Xuân Diệu dù đã hoa râm nhưng ông vẫn giữ được chất thanh xuân của tâm hồn để cùng tuổi trẻ nói chuyện tri âm, chuyện tình yêu, hẹn thề, nói chuyện say đắm ... Bởi thế, nhà thơ Trần Lê Văn đã viết :

“ Bời quá yêu đời nên nặng lòng áp ủ

Bởi không muốn già, nên bền chí thanh xuân”

(Dây đàn bỗng đứt).

Mảng thơ tình của Xuân Diệu, chính là món quà tặng người đời mãi mãi, như ở bài thơ *Đề tặng* ông đã viết :

Tặng lòng con trai

Tặng lòng con gái

Tặng hoa tặng trời

Tặng tình mãi mãi

.....

Tặng hương - tặng Đời”.

3 – Xuân Diệu với văn xuôi, tiểu luận, phê bình :

(Sinh viên đọc tài liệu theo sự hướng dẫn của giáo viên).

Cần lưu ý các điểm sau :

- Sự quan tâm của Xuân Diệu đối với các nhà thơ lớp kế cận và lớp trẻ. Không ít nhà thơ trẻ đã đạt được sự thành công trong sáng tạo phần nào có sự giúp đỡ, quan tâm của Xuân Diệu.
- Xuân Diệu giới thiệu thơ quần chúng. Ông chịu khó tìm kiếm, chất lọc cái hay, cái đẹp trong những sáng tác của họ để giới thiệu một cách trân trọng.
- Xuân Diệu khám phá, phát hiện cái hay, cái đẹp trong thơ của các nhà thơ hiện đại ưu tú như : Tố Hữu, Huy Cận, Chế Lan Viên ...
- Giới thiệu thành tựu của các nhà thơ lớn trong thơ ca dân tộc: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Tú Xương ...
- Xuân Diệu dịch và giới thiệu một số nhà thơ lớn ở nước ngoài đối với người đọc Việt Nam và đồng thời giới thiệu một số bài thơ Việt Nam tiêu biểu sang các nước khác.

4 – Phong cách nghệ thuật của Xuân Diệu:

Xuân Diệu là một nhà thơ luôn gắn bó với cuộc sống và sống hết mình cho cuộc sống. Xuân Diệu luôn có mặt trong cuộc sống, ông đặt tên cho một tập thơ của mình là *Tôi giàu đôi mắt*. Ông hăm hở, say mê sáng tạo với trách nhiệm của một công dân trước cuộc sống. Thơ ông bám lấy thực tại của cuộc sống, đưa sự vật, hiện tượng vào thơ, muốn mở rộng cánh cửa thơ cho cuộc sống tràn vào, do vậy trong thơ ông có sự bề bộn của những chi tiết hiện thực cuộc sống. Ông muốn thơ phải có sức chứa lớn và sức phản ánh rộng lớn phong phú.

Xuân Diệu là nhà thơ giàu sức sáng tạo, luôn có ý thức tìm tòi, thử nghiệm trên nhiều phương diện (cách xây dựng hình tượng, nhịp điệu, ngôn ngữ ...). Đây cũng chính là một trong những nguyên nhân tạo nên thơ hay và thơ trung bình ở mỗi tập thơ của ông.

Tâm hồn thơ Xuân Diệu luôn có sự tinh tế và nhạy cảm. Đó là yếu tố bền vững trong thơ Xuân Diệu trước và sau cách mạng. Nói cách khác, sức thanh xuân luôn tràn đầy trong tâm hồn thơ Xuân Diệu. Tươi trẻ, hăng say như cái thuở ban đầu yêu và đang yêu là nét nổi bật trong thơ Xuân Diệu. Sự nhạy cảm của tâm hồn đã tạo cho thơ ông thêm giàu hương vị của cuộc đời, tác động mãnh liệt đối với nhận thức của người đọc.

Thơ Xuân Diệu có khi còn nặng về kể, giải bày, ít ẩn ý, thiếu hàm súc, dễ dãi, dài dòng trong nhạc điệu, từ ngữ. Điều đó tạo nên sự hạn chế phần nào về sức truyền cảm và hấp dẫn của thơ ông đối với người đọc.

5 – Kết luận chung :

Xuân Diệu là một nhà thơ cần mẫn, sung sức trong sáng tạo nghệ thuật và đã có những cống hiến to lớn cho văn học Việt Nam nói chung, thơ ca Việt Nam nói riêng, ông đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị đặc sắc, mà đặc sắc nhất là thơ tình yêu nam nữ.

Nghĩ về Xuân Diệu là chúng ta nghĩ về một tài năng, một tấm gương lao động nghệ thuật giàu sức sáng tạo, xứng đáng để các nghệ sĩ noi theo.

*

* *

HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

Câu hỏi ôn tập:

1 - Vì sao nói Xuân Diệu là nhà thơ “mới nhất trong phong trào Thơ mới, nhà thơ đại biểu đầy đủ nhất cho thời đại”?

2 - Anh, chị có cảm nhận gì về khả năng nhạy bén của tâm hồn thơ Xuân Diệu trước hiện thực cuộc sống từ sau Cách mạng tháng Tám?

3 - Xuân Diệu có những đóng góp gì ở phương diện phê bình thơ ?

4 - Những yếu tố cơ bản nào giúp Xuân Diệu luôn có được sức sáng tạo mãnh liệt?

Đề tài nghiên cứu và hội thảo:

1 - Sự giống nhau, khác nhau của thơ tình Xuân Diệu trước và sau Cách mạng tháng Tám.

2 - So sánh thơ Xuân Diệu với thơ Tố Hữu và Chế Lan Viên khi viết về miền Nam, về Chủ tịch Hồ Chí Minh.

3 - Biểu hiện của đặc điểm phong cách nghệ thuật Xuân Diệu qua các bài thơ được chọn giảng trong chương trình phổ thông trung học.

4 - Những đóng góp của Xuân Diệu ở phương diện sử dụng ngôn ngữ thơ.

5 - Quan niệm thơ của Xuân Diệu.

Tài liệu tham khảo chính cần đọc:

Các tập thơ, phê bình tiểu luận của Xuân Diệu và các tài liệu sau:

1 - Xuân Diệu - *Tuyển tập* (tập I), NXB Văn học , Hà Nội, 1983.

2 - Lê Tiến Dũng (biên soạn) - *Xuân Diệu, một đời người, một đời thơ*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1993.

3 - Lê Tiến Dũng - *Những cách tân nghệ thuật trong thơ Xuân Diệu giai đoạn 1932 – 1945*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.

4 - Hà Minh Đức (giới thiệu và tuyển chọn) - *Thơ tình Xuân Diệu*, NXB Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội, 1992.

5 - Lê Đình Ky - *Xuân Diệu* trong sách *Thơ mới những bước thăng trầm*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1988 (tái bản 1993).

6 - Mã Giang Lân - *Xuân Diệu* trong sách *Nhà thơ Việt Nam hiện đại*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1984.

7 - Lữ Huy Nguyên (tuyển chọn) - *Xuân Diệu, thơ và đời*, NXB Văn học, Hà Nội, 1995.

8 - Hữu Nhuận (biên soạn) - *Xuân Diệu con người và tác phẩm*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1987.

9 - Hoài Thanh - *Xuân Diệu* trong sách *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học (tái bản), Hà Nội, 1988.

10 - Hoàng Trung Thông - *Lời giới thiệu Tuyển tập Xuân Diệu*, NXB Văn học, Hà Nội, 1983.